

Số: 24 /2017/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 25 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BÌNH DƯƠNG

ĐẾN Số: 6312.....
Ngày: 27/9/17

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 24/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 652/TTr-STNMT ngày 01/9/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2017 và thay thế Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về thẩm định chủ trương đầu tư; nhu cầu sử dụng đất và điều kiện

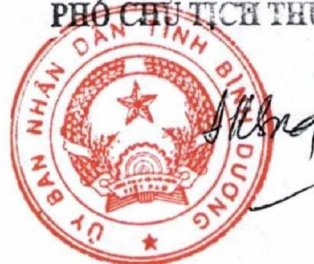
giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT. *41*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

QUY ĐỊNH

**Về trình tự thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết
hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2017/QĐ-UBND ngày 25/9 /2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước

a) Cơ quan Tài nguyên và Môi trường gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai được giao thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý nhà nước về đất đai;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; các cơ quan khác có liên quan; công chức địa chính xã, phường, thị trấn.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai năm 2013, bao gồm: tổ chức; cơ sở tôn giáo; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các đối tượng khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư; nhu cầu sử dụng đất; điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với loại hồ sơ: thẩm định quyết định chủ trương đầu tư, kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án thuộc đối tượng do Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 4. Nội dung thẩm định

1. Thẩm định quyết định chủ trương đầu tư:

a) Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

b) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);

đ) Đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

e) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.

2. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất:

a) Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Sự phù hợp với quy hoạch chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến dự án (nếu có);

c) Yêu cầu sử dụng đất của dự án theo quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức sử dụng đất. Đối với loại dự án chưa có quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng đất thì cơ quan thẩm định căn cứ vào quy mô, tính chất dự án và khả năng đáp ứng về quỹ đất của địa phương để đánh giá;

d) Khả năng sử dụng đất đảm bảo hiệu quả thông qua việc đánh giá về năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư; tác động môi trường do sử dụng đất; mức độ phù hợp với kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hệ số, mật độ xây dựng, độ cao, độ sâu trong lòng đất đối với dự án xây dựng công trình; mức độ ảnh hưởng đến vấn đề quốc phòng, an ninh (nếu có);

đ) Yêu cầu về diện tích, mục đích sử dụng đất và khả năng đáp ứng về quỹ đất của địa phương đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư.

3. Thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

a) Xác định loại dự án đầu tư và đối tượng phải áp dụng điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Đánh giá về mức độ đáp ứng điều kiện ký quỹ, điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư đối với trường hợp dự án thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;

c) Điều kiện về không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.

Chương II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN THỦ TỤC THẨM ĐỊNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ KẾT HỢP THẨM ĐỊNH NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Mục I

Thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 5. Thời gian, trình tự thực hiện

1. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với doanh nghiệp đã thành lập là 39 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện

Người có nhu cầu nộp hồ sơ thẩm định tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư; thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư; Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trình tự thực hiện như sau:

a) Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản các yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ (nếu có);

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ đến các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện để tham gia thẩm định các nội dung liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, cụ thể:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: thẩm định các nội dung đề xuất của nhà đầu tư để cấp Quyết định chủ trương đầu tư, mức độ đáp ứng điều kiện ký quỹ của nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các Văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư;

- Sở Xây dựng: thẩm định các nội dung về địa điểm xây dựng, ranh giới xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch xây dựng, sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng, các yêu cầu đối với chủ đầu tư trong quá trình lập quy hoạch, lập dự án đầu tư, các yêu cầu về kết nối hạ tầng theo quy định của pháp luật;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Đất đai; các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; việc chấp hành pháp luật đất đai và môi trường của nhà đầu tư;

- Sở Tài chính: thẩm định điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư;

- Các Sở, ngành thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất.

c) Trong thời gian 09 ngày, kể từ ngày gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức cuộc họp liên ngành các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và nhà đầu tư để thống nhất địa điểm, ranh giới lập dự án đầu tư đối với các trường hợp chưa xác định được địa điểm, ranh giới nghiên cứu lập dự án đầu tư;

d) Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày họp thống nhất địa điểm; hoặc 19 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có Văn bản thẩm định về nội dung quản lý nhà nước theo quy định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. Quá thời gian quy định, các cơ quan không trả lời, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền xem xét quyết định dự án về nội dung dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; cơ quan chủ trì được xem là cơ quan phối hợp đã chấp thuận và thực hiện các bước tiếp theo;

đ) Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày nhận được các Văn bản thẩm định của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

e) Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

g) Nhà đầu tư nhận kết quả giải quyết của thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Mục II

Thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Điều 6. Thời gian, trình tự thực hiện

1. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với doanh nghiệp đã thành lập là 60 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện

Người có nhu cầu nộp hồ sơ thẩm định tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư; thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 34 – Luật Đầu tư; Điều 31 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trình tự thực hiện như sau:

a) Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản các yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ (nếu có);

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để tham gia thẩm định các nội dung liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, cụ thể:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: thẩm định các nội dung đề xuất của nhà đầu tư để cấp Quyết định chủ trương đầu tư, mức độ đáp ứng điều kiện ký quỹ của nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các Văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư;

- Sở Xây dựng: thẩm định các nội dung về địa điểm xây dựng, ranh giới xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch xây dựng, sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng, các yêu cầu đối với chủ đầu tư trong quá trình lập quy hoạch, lập dự án đầu tư, các yêu cầu về kết nối hạ tầng theo quy định của pháp luật;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; việc chấp hành pháp luật đất đai và môi trường của nhà đầu tư;

- Sở Tài chính: thẩm định điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư;

- Các Sở, ngành thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất.

c) Trong thời gian 09 ngày, kể từ ngày gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức cuộc họp liên ngành các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp

huyện và nhà đầu tư để thống nhất địa điểm, ranh giới lập dự án đầu tư đối với các trường hợp chưa xác định được địa điểm, ranh giới nghiên cứu lập dự án đầu tư;

d) Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày họp thống nhất địa điểm; hoặc 19 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có Văn bản thẩm định về nội dung quản lý nhà nước theo quy định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Quá thời gian quy định, các cơ quan không trả lời, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền xem xét quyết định dự án về nội dung dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; cơ quan chủ trì được xem là cơ quan phối hợp đã chấp thuận và thực hiện các bước tiếp theo;

đ) Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày nhận được các Văn bản thẩm định của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

e) Trong thời gian 09 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến thẩm định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ;

g) Thời hạn thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư: 22 ngày (theo Khoản 6 và Khoản 7 Điều 31 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 15 ngày; Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư: 07 ngày);

h) Nhà đầu tư nhận kết quả giải quyết của thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 7. Nội dung kiểm tra các dự án đầu tư

Các dự án đầu tư xây dựng đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải được quản lý và kiểm tra các nội dung sau:

1. Kiểm tra tiến độ triển khai dự án

a) Sau khi có quyết định thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tiến độ đã được ghi trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc trong bản kê khai đăng ký tình hình đầu tư của người sử dụng đất để tiến hành theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện dự án theo định kỳ 06 tháng 01 lần;

b) Trường hợp, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và phát hiện dự án chậm triển khai mà chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép gia hạn thì phải có văn bản nhắc nhở lần 1 cho chủ đầu tư. Tại đợt kiểm tra kế tiếp (06 tháng sau) mà chủ đầu tư vẫn triển khai chậm và không có lý do chính đáng thì Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên

và Môi trường để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra việc sử dụng đất theo ranh giới, diện tích và mục đích sử dụng đất

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bản đồ địa chính khu đất, thiết kế cơ sở, bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 để kiểm tra việc sử dụng đất theo ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng và quy hoạch.

Điều 8. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng đất

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý dự án của mình đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ đã đăng ký, sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích;

b) Chậm nhất 12 tháng sau khi có quyết định giao đất (hoặc thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất) và tiếp sau định kỳ 06 tháng, chủ đầu tư phải báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch đã được duyệt hoặc đã đăng ký, chủ đầu tư phải báo cáo lý do và làm đơn xin gia hạn gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quản lý thường xuyên các biến động về đất đai trên địa bàn;

b) Các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, ranh giới, diện tích đất được giao, xây dựng lấn chiếm lộ giới, sông rạch, hành lang bảo vệ các công trình (điện, nước, kênh, mương...), lấn chiếm quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phát hiện kịp thời, đình chỉ hành vi vi phạm, thực hiện việc xử phạt đối với hành vi vi phạm theo thẩm quyền. Đối với hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 02 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xử lý hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Theo dõi, kiểm tra tiến độ đầu tư dự án làm cơ sở xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nếu vượt thẩm quyền;

b) Tổ chức tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật do chủ đầu tư bàn giao;

c) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chặt chẽ hành lang an toàn đường bộ, hành lang bảo vệ sông,

kênh, rạch và việc san lấp sông, kênh, rạch.

4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, kiểm tra tiến độ đầu tư các dự án đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nếu vượt thẩm quyền.

5. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;

b) Xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nếu vượt thẩm quyền.

6. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành khác

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ về các lĩnh vực được giao quản lý, các Sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc kiểm tra quản lý quá trình triển khai đầu tư dự án;

b) Hướng dẫn và cung cấp các quy định của Nhà nước, các thông tin có liên quan đến lĩnh vực quản lý cho các cơ quan để giải quyết hồ sơ kịp thời, đồng thời công bố công khai cho người sử dụng đất biết để thực hiện đúng theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện giải quyết hồ sơ của các tổ chức thực hiện dự án có sử dụng đất theo đúng Quy định này.

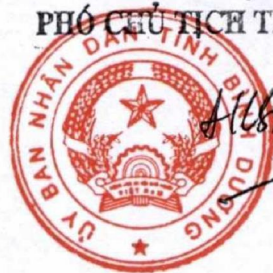
Điều 10. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết hồ sơ thuộc phạm vi quản lý và phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan trong việc cung cấp tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời chủ động phối hợp với Thanh tra Nhà nước các cấp thường xuyên kiểm tra các cơ quan, tổ chức thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với các vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý. Trường hợp vượt quá

thẩm quyền giải quyết thì có báo cáo và đề xuất ý kiến thông qua Sở Tài nguyên
Môi trường tổng hợp đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

